ÔN TẬP GIỮA KÌ 1
Hóa học 9

Câu 1. Phản ứng giữa dung dịch $BaCl_2$ và dung dịch Na_2SO_4 thuộc loại

A. phản ứng thế. **B.** phản ứng hoá hợp.
C. phản ứng trung hoà. **D.** phản ứng trao đổi.

Câu 2. Vôi sống là tên gọi của hợp chất có công thức nào sau đây?

A. $CaCO_3$. **B.** BaO. **C.** $BaCO_3$. **D.** CaO.

Câu 3. Nhóm các dung dịch có pH > 7 là

A. HCl, HNO_3. **B.** NaCl, KNO_3.
C. NaOH, $Ba(OH)_2$. **D.** Nước cất, nước muối.

Câu 4. Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là

A. Fe, Cu, Mg. **B.** Zn, Fe, Cu. **C.** Zn, Fe, Al. **D.** Fe, Zn, Ag.

Câu 5. Cho các chất sau: đồng(II) hiđroxit, natri hiđroxit, bari hiđroxit, kali hiđroxit. Chất bị nhiệt phân huỷ tạo thành oxit là

A. bari hiđroxit. **B.** đồng(II) hiđroxit. **C.** kali hiđroxit. **D.** natri hiđroxit.

Câu 6. Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải

A. rót nước vào axit đặc. **B.** rót từ từ nước vào axit đặc.
C. rót nhanh axit đặc vào nước. **D.** rót từ từ axit đặc vào nước.

Câu 7. Chất được sử dụng để trung hòa axit là

A. $Al(OH)_3$. **B.** $Fe(OH)_2$. **C.** NaOH. **D.** $Cu(OH)_2$.

Câu 8. NaOH rắn có khả năng hút nước rất mạnh nên có thể dùng làm khô một số chất. NaOH làm khô khí ẩm nào sau đây?

A. H_2S. **B.** H_2. **C.** CO_2. **D.** SO_2.

Câu 9. Dung dịch KOH tác dụng với nhóm chất nào sau đây đều tạo thành muối và nước?

A. $Ca(OH)_2$,CO_2, $CuCl_2$ **B.** P_2O_5; H_2SO_4, SO_3
C. CO_2; Na_2CO_3, HNO_3 **D.** Na_2O; $Fe(OH)_3$, $FeCl_3$.

Câu 10. Cặp chất có thể cùng tồn tại trong một dung dịch là

A. NaCl, $AgNO_3$. **B.** $CaCl_2$, Na_2CO_3. **C.** $Mg(NO_3)_2$, $Ba(OH)_2$. **D.** $FeSO_4$, $NaNO_3$.

Câu 11. Nhỏ từ từ dung dịch NaOH vào dung dịch $CuCl_2$ đến khi kết tủa không tạo thêm nữa thì dừng lại. Lọc kết tủa rồi đem nung đến khối lượng không đổi thu được chất rắn nào sau đây?

A. Cu. **B.** CuO. **C.** Cu_2O. **D.** $Cu(OH)_2$.

Câu 12. Khi cho từ từ dung dịch NaOH cho đến dư vào ống nghiệm đựng dung dịch hỗn hợp gồm HCl và một ít phenolphtalein. Hiện tượng quan sát được trong ống nghiệm là:

A. Màu đỏ mất dần. **B.** Không có sự thay đổi màu.
C. Màu đỏ từ từ xuất hiện. **D.** Màu xanh từ từ xuất hiện.

Câu 13. Có 3 oxit màu trắng: MgO, Al_2O_3, Na_2O. Có thể nhận biết được các chất đó bằng thuốc thử nào sau đây?

A. Chỉ dùng thêm quì tím. **B.** Chỉ dùng thêm axit HCl.
C. Chỉ dùng thêm axit H_2SO_4. **D.** Chỉ dùng thêm nước.

Câu 14. Phản ứng giữa cặp chất nào sau đây tạo ra sản phẩm có chất khí?

A. Dung dịch natri hiđroxit và dung dịch axit sunfuric.
B. Dung dịch natri cacbonat và dung dịch bari hiđroxit.
C. Dung dịch bari clorua và dung dịch natri sunfat.
D. Dung dịch natri sunfit và dung dịch axit clohiđric.

Câu 15. Cho các chất $CaCO_3$, HCl, NaOH, $BaCl_2$, $CuSO_4$, có bao nhiêu cặp chất có thể phản ứng với nhau?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 16. Sơ đồ phản ứng nào sau đây dùng để sản xuất axit sunfuric trong công nghiệp?

LIVEWORKSHEETS

A. $Cu \longrightarrow SO_2 \longrightarrow SO_3 \longrightarrow H_2SO_4$.
B. $Fe \longrightarrow SO_2 \longrightarrow SO_3 \longrightarrow H_2SO_4$.
C. $FeO \longrightarrow SO_2 \longrightarrow SO_3 \longrightarrow H_2SO_4$.
D. $FeS_2 \longrightarrow SO_2 \longrightarrow SO_3 \longrightarrow H_2SO_4$.

Câu 17. Những cặp nào sau đây có phản ứng xảy ra

1. $NaHCO_3 + HCl \longrightarrow$
2. $Cu + H_2O \longrightarrow$
3. $Cu + ZnSO_4 \longrightarrow$
4. $Fe + CuSO_4 \longrightarrow$

A. 1; 2. **B.** 3; 4. **C.** 1; 4. **D.** 2; 3.

Câu 18. Hấp thụ hoàn toàn 2,24 lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 19,70. **B.** 10,00. **C.** 1,97. **D.** 5,00.

Câu 19. Cho m gam hỗn hợp X gồm Cu và Fe vào dung dịch H_2SO_4 loãng (dư), kết thúc phản ứng thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc). Khối lượng của Fe trong 2m gam X là

A. 4.48. **B.** 11,2. **C.** 16,8. **D.** 1,12.

Câu 20. Hòa tan hoàn toàn 3,22 gam hỗn hợp X gồm Fe, Mg và Zn bằng một lượng vừa đủ dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được 1,344 lít hiđro (ở đktc) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

A. 9,52. **B.** 10,27. **C.** 8,98. **D.** 7,25.

LIVEWORKSHEETS